

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 158/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 21 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung,  
bãi bỏ trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản  
thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,  
thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 105/TTr-SNN ngày 13 tháng 01 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

- 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung dùng chung (mã TTHC: 2.001827) trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện được công bố tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

- 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ dùng chung (mã TTHC: 2.001823) trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của



Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện tại Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể của TTHC)

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, KT;
- Trung tâm Chuyển đổi số (Sở TTTT);
- Lưu: VT, Nhi.



**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Minh**

**PHẦN I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ**  
**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 158 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	MÃ TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN</b>			
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	1

**Ghi chú:** Sửa đổi, bổ sung một phần nội dung thủ tục hành chính từ trang số 317 đến trang số 323 (Mã TTHC: 2.001827); Phần II – Nội dung thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 576/QĐ-UBND, ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

STT	MÃ TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Trang
<b>I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN<sup>1</sup></b>			
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	11

**Ghi chú:** Sửa đổi, bổ sung một phần nội dung thủ tục hành chính từ trang số 606 đến trang số 612 (Mã TTHC: 2.001827); Phần II – Nội dung thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù

<sup>1</sup> Được phân cấp thực hiện tại: Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 1367/QĐ-UBND, ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

STT	MÃ TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Cơ sở pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN</b>			
1	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	Căn cứ Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Mục 2, Phần I Danh mục thủ tục hành chính)

**Ghi chú:** Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính từ trang số 324 đến trang số 330 (Mã TTHC: 2.001823); Phần II – Nội dung thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

STT	MÃ TTHC (CSDLQG)	Tên thủ tục hành chính	Cơ sở pháp lý
<b>I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN<sup>2</sup></b>			
1	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	Căn cứ Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Mục 2, Phần I Danh mục thủ tục hành chính)

**Ghi chú:** Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính từ trang số 613 đến trang số 619 (Mã TTHC: 2.001823); Phần II – Nội dung thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 576/QĐ-UBND, ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc

<sup>2</sup> Được phân cấp thực hiện tại: Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương; Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 1367/QĐ-UBND, ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

*công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá, thủ tục hành chính đặc thù thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Uỷ ban nhân dân cấp huyện/Uỷ ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương.*



**PHẦN II**  
**NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP**  
**VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 158/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2025*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI,**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN**  
**NÔNG THÔN**

**I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

**1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với**  
**cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**1.1 Trình tự thực hiện**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân (cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản) trên địa bàn tỉnh nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương.

Địa điểm: Quầy số 37-38, tầng 1, tháp A, Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương.

**Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ không đủ thành phần hồ sơ, thông báo ngay bằng Biểu mẫu của Bộ phận một cửa và nêu rõ lý do.

Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử: Bộ phận một cửa xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, thông báo ngay bằng Biểu mẫu của Bộ phận một cửa và nêu rõ lý do.

**Bước 3: Thẩm định hồ sơ, thành lập đoàn thẩm định, tổ chức thẩm định**  
**tại cơ sở và cấp giấy chứng nhận**

**\* Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; Cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm từ động vật; Cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh hỗn hợp (động vật và thực vật): chuyển hồ sơ đến Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.**

- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản xem xét tính pháp lý của hồ sơ và thông báo tới cơ sở ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; trường

hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thực hiện như sau:

+ Đoàn thẩm định công bố Quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.

+ Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định.

+ Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần), thực hiện cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Chi cục trưởng Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

+ Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương (Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố) để giám sát cơ sở không được hoạt động.

- Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT để trả cho tổ chức, cá nhân.

**\* Đối với cơ sở sản xuất ban đầu, cơ sở thu gom, sơ chế, bảo quản, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật, muối và Chợ đầu mối, đấu giá nông sản: chuyển hồ sơ đến Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật**

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét tính pháp lý của hồ sơ và thông báo tới cơ sở ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện như sau:

+ Đoàn thẩm định công bố Quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.

+ Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định.

+ Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần), thực hiện cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

+ Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản thông báo kết quả thẩm



định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương (Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố) để giám sát cơ sở không được hoạt động.

- Chuyển kết quả đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và PTNT để trả cho tổ chức, cá nhân.

#### **Bước 4: Trả kết quả**

Tổ chức, cá nhân đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận, nộp giấy biên nhận tại nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa chỉ yêu cầu).

#### **1.2 Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu hoặc qua môi trường mạng.

#### **1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ**

##### **a) Thành phần hồ sơ**

1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

4) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

5) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận;

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**1.4 Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5 Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Tổ chức, cá nhân).

#### **1.6 Cơ quan thực hiện TTHC**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh Bình Dương.

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): Sở Công thương, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm, các đơn vị có liên quan.

**1.7 Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT. (Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm).

**1.8 Phí, lệ phí (nếu có):** Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở.

### **1.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

a. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

b. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

### **1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

### **1.11 Căn cứ pháp lý của TTHC**

+ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội;

+ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

+ Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phân công cơ quan thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm; cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

+ Quyết định số 149/QĐ-SNN ngày 07/7/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phân công thực hiện nhiệm vụ cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

**Phụ lục III**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

.....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:

.....

.....

3. Điện thoại ..... Email .....

4. Mã số đăng ký kinh doanh: .....

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp: .....

**Đại diện cơ sở**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC IV****Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm***(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH****Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản****I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài.....DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần ..DN tư nhân  Khác

(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động: .....

5. Công suất thiết kế/Diện tích sản xuất: .....

6. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....

7. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .....m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực/kho bảo quản thành phẩm: .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .....m<sup>2</sup>

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh: Vẽ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc kèm theo bản thuyết minh

.....  
.....

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng  Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có  Không

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đã sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất  Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đã:

.....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

##### 4.1 Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....  
.....

##### 4.2 Hệ thống xử lý nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....  
.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: .....người, trong đó:

- + Lao động trực tiếp: .....người.  
 + Lao động gián tiếp: .....người.  
 - Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:.... người.  
 - Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) đã được xác nhận kiến thức về ATTP: .... người.  
 - Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn xác nhận kiến thức về ATTP: .... người. Lý do được miễn xác nhận kiến thức về ATTP:.....

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:  
 - Nhân công làm vệ sinh: .....người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở  Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....  
 .....

- Thuê ngoài  Tên những PKN gửi phân tích:

.....  
 .....

10. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

### **I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

#### **1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

##### **1.1 Trình tự thực hiện**

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện/thị/thành phố nơi tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính đầy đủ của thành phần hồ sơ. Nếu trường hợp hồ sơ không đủ thành phần hồ sơ, thông báo ngay bằng Biểu mẫu của Bộ phận một cửa và nêu rõ lý do.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua môi trường điện tử: Bộ phận một cửa xem xét tính đầy đủ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, thông báo ngay bằng Biểu mẫu của Bộ phận một cửa và nêu rõ lý do.

##### **Bước 3: Thẩm định hồ sơ, thành lập đoàn thẩm định, tổ chức thẩm định tại cơ sở và cấp giấy chứng nhận**

- Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố xem xét tính pháp lý của hồ sơ và thông báo tới cơ sở ngày dự kiến thẩm định trong trường hợp hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố ban hành Quyết định thành lập đoàn thẩm định ngay sau khi có thông báo hồ sơ hợp lệ.

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố thực hiện như sau:

+ Đoàn thẩm định công bố Quyết định thành lập đoàn, nêu rõ mục đích và nội dung thẩm định.

+ Tiến hành thẩm định thực tế: xem xét, đánh giá hồ sơ, tài liệu lưu, đánh giá thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở bao gồm nhà xưởng, trang thiết bị, nguồn lực quản lý, chương trình quản lý an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và thu hồi, xử lý sản phẩm không đảm bảo an toàn, kết quả thực hiện; phỏng vấn các đối tượng liên quan, lấy mẫu nếu cần theo quy định.



+ Lập biên bản thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tới đại diện cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT. Trường hợp phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm, đoàn thẩm định lập biên bản làm việc hoặc biên bản vi phạm hành chính để chuyển cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Sau khi nhận được Biên bản thẩm định của đoàn thẩm định, trưởng Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố thẩm tra biên bản (yêu cầu đoàn thẩm định giải trình các nội dung đánh giá nếu cần), thực hiện cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT trong trường hợp:

+ Cơ sở đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc có kết quả kiểm nghiệm đạt yêu cầu trong trường hợp có lấy mẫu kiểm nghiệm trong quá trình thẩm định.

+ Đối với trường hợp kết quả lấy mẫu kiểm nghiệm không đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, việc cấp Giấy chứng nhận chỉ được thực hiện sau khi cơ sở điều tra nguyên nhân, có biện pháp khắc phục và được Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố kiểm tra đạt yêu cầu.

+ Trường hợp cơ sở có kết quả thẩm định không đạt nhưng có báo cáo khắc phục và được Đoàn thẩm định thẩm tra đạt yêu cầu trong thời hạn cấp Giấy chứng nhận, trưởng Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố thẩm tra và thực hiện việc Cấp giấy chứng nhận.

+ Trường hợp kết quả thẩm định không đạt và cơ sở không khắc phục trong thời hạn yêu cầu: Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố thông báo kết quả thẩm định, không cấp Giấy chứng nhận, đồng gửi Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm ở địa phương (Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn) để giám sát cơ sở không được hoạt động.

- Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện/thành phố để trả cho tổ chức, cá nhân.

#### **Bước 4: Trả kết quả**

Tổ chức, cá nhân đến ngày hẹn trong phiếu đến nơi nộp hồ sơ để nhận kết quả hoặc nhận kết quả tại nhà (nếu tổ chức, cá nhân đăng ký dịch vụ bưu điện chuyển trả kết quả tại địa chỉ yêu cầu).

##### **1.2 Cách thức thực hiện**

- Nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND huyện/thị/thành phố.

- Trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu hoặc qua môi trường mạng.

##### **1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ**

###### **a) Thành phần hồ sơ**

1) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT;

4) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

5) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do chủ cơ sở tổ chức thực hiện và xác nhận.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**1.4 Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5 Đối tượng thực hiện TTHC:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Tổ chức, cá nhân).

**1.6 Cơ quan thực hiện TTHC**

\* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND huyện/thị/thành phố.

\* Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

\* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kinh tế huyện/thị/thành phố.

\* Cơ quan phối hợp (nếu có): không.

**1.7 Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT (thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm).

**1.8 Phí, lệ phí (nếu có):** Thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (Cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện): 700.000 đồng/cơ sở.

**1.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

a. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo mẫu tại Phụ lục III Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

b. Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm tham khảo theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư 17/2024/TT-BNNPTNT.

**1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25,

26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

### **1.11 Căn cứ pháp lý của TTHC**

- + Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;
- + Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- + Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- + Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- + Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;
- + Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 22/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- + Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phân công cơ quan thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm; cơ quan quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

**Phụ lục III**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày..... tháng.... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố.

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh:  
.....

3. Điện thoại ..... Email .....

4. Mã số đăng ký kinh doanh: .....

5. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh.....

6. Mặt hàng sản xuất, kinh doanh:

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố ..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho cơ sở.

Lý do cấp: .....

**Đại diện cơ sở**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**PHỤ LỤC IV**

**Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm  
điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của  
Bộ trưởng  
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.... năm....

**BẢN THUYẾT MINH**

**Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh  
thực phẩm nông, lâm, thủy sản**

**I- THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh: .....

2. Địa chỉ: .....

3. Loại hình sản xuất, kinh doanh

DN nhà nước  DN 100% vốn nước ngoài  
.....

DN liên doanh với nước ngoài  DN Cổ phần ..

DN tư nhân  Khác  
  
(ghi rõ loại hình)

4. Năm bắt đầu hoạt động: .....

5. Công suất thiết kế/Diện tích sản xuất: .....

6. Sản lượng sản xuất, kinh doanh (thống kê 3 năm trở lại đây): .....

7. Thị trường tiêu thụ chính: .....

**II. MÔ TẢ VỀ SẢN PHẨM**

TT	Tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh	Nguyên liệu/ sản phẩm chính đưa vào sản xuất, kinh doanh		Cách thức đóng gói và thông tin ghi trên bao bì
		Tên nguyên liệu/ sản phẩm	Nguồn gốc/ xuất xứ	

### III. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

#### 1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh .....m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Khu vực tiếp nhận nguyên liệu/sản phẩm : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực đóng gói thành phẩm : .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực/kho bảo quản thành phẩm: .....m<sup>2</sup>

+ Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : .....m<sup>2</sup>

- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh: Vẽ đồ bố trí mặt bằng sản xuất, kinh doanh hoặc kèm theo bản thuyết minh

.....

.....

#### 2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

#### 3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng  Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý: Có  Không

Phương pháp xử lý: .....

- Nguồn nước đá sử dụng (nếu có sử dụng):

Tự sản xuất  Mua ngoài

Phương pháp kiểm soát chất lượng nước đá:

.....

#### 4. Hệ thống xử lý chất thải, nước thải

##### 4.1 Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....  
.....

##### 4.2 Hệ thống xử lý nước thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

.....  
.....

#### 5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: .....người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp: .....người.

+ Lao động gián tiếp: .....người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được kiểm tra sức khỏe theo quy định:.... người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) đã được xác nhận kiến thức về ATTP: .... người.

- Số người (chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất, kinh doanh) được miễn xác nhận kiến thức về ATTP: .... người. Lý do được miễn xác nhận kiến thức về ATTP:.....

#### 6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị...

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: .....người; trong đó ..... của cơ sở và ..... đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, phụ gia/ chất bổ sung, chất tẩy rửa-khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,....)

9. Phòng kiểm nghiệm

- Cửa cơ sở

Các chỉ tiêu PKN của cơ sở có thể phân tích:

.....  
.....

- Thuê ngoài

Tên những PKN gửi phân tích:

.....  
.....

10. Những thông tin khác: .....

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)